

1. Informationen zu XKASSE UG

| | |
|-------------------|--|
| Kassenhersteller: | XKASSE UG |
| Firmenadresse: | Room 215, Herzberstraße 33-34 10365 Berlin |
| Steuer-Nr: | 35/348/02381 |
| USt-IdNr.: | DE323208614 |
| Kassentyp: | XKASSE ist ein Android Kassensystem basierend auf einer MySQL-Datenbank und gehört zum Kassentyp 3 |

2. Vorwort

Diese Verfahrensdokumentation beschreibt alle wesentlichen Merkmale des XKASSE- Kassensystem-Betriebes bzw. der Android-basierenden Kassensoftware zur GoBD- und GDPdU- konformen Aufzeichnung von Transaktionsdaten. Unser Ziel ist es, die Abläufe in der Kasse so transparent wie möglich zu halten, um es Dritten zu ermöglichen, verständlich und effizient die Zusammenhänge in der Kasse zu realisieren und die produzierten Daten weiterverarbeiten oder auswerten zu können.

Tài liệu này mô tả tất cả các tính năng thiết yếu của hệ thống máy tính tiền XKASSE dựa trên nền tảng Android để ghi chép dữ liệu giao dịch tuân thủ GoBD và GDPdU. Mục tiêu của chúng tôi là giữ cho các quy trình của máy tính tiền càng minh bạch càng tốt để cho phép bên thứ ba biết và quản lý hiệu quả các mối liên quan trong máy tính tiền để xử lý hoặc đánh giá dữ liệu được tạo ra.

3. Verwendungszweck

Das XKASSE Kassensystem besteht aus zwei getrennten Programmen: einem Android-basierten Kassensystem und einem Cloud-basierten Datenspeicher, die zur Konfiguration und Auswertung genutzt wird.

Hệ thống máy tính tiền của XKASSE bao gồm hai chương trình riêng biệt: hệ thống máy tính tiền dựa trên Android và kho lưu trữ dữ liệu dựa trên Cloud, được sử dụng để cấu hình và đánh giá.

Das Android-basierte Kassensystem ist eine Datenerfassungssoftware, die für den Verkauf von Waren und/oder Dienstleistungen entwickelt wurde. Sie dient zur exakten Erfassung und Aufzeichnung aller Zahlungsvorgänge. Diese können mit Bargeld oder bargeldlos getätigt werden. Alle getätigten Zahlungsvorgänge werden vom Kassensystem erfasst. Zu jedem Vorgang wird ein Beleg erstellt. Tagesabschlüsse (Z-Abschluss) werden durch Berichte visualisiert.

Hệ thống máy tính tiền dựa trên Android là một phần mềm thu thập dữ liệu được phát triển để bán hàng hóa và/hoặc dịch vụ. Nó được sử dụng để ghi lại chính xác và ghi lại tất cả các giao dịch thanh toán. Có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc không sử dụng tiền mặt. Tất cả các giao dịch thanh toán được ghi lại bởi hệ thống máy tính tiền. Đối với mỗi quá trình giao dịch, một tài liệu được tạo ra. Báo cáo tài chính hàng ngày (Z- Abschluss) được hiển thị bằng các báo cáo.

Die flexibel programmierte Kassensoftware ist für den Einsatz in zahlreichen Geschäftsfeldern geeignet. Über Schnittstellen kann das Kassensystem mit verschiedenen Peripheriegeräten (Belegdrucker, Scanner, Zahlterminals, etc.) verbunden werden.

Phần mềm máy tính tiền được lập trình linh hoạt phù hợp để sử dụng trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Hệ thống máy tính tiền có thể được kết nối với các thiết bị ngoại vi khác nhau (máy in hóa đơn, máy quét, thiết bị đầu cuối thanh toán, v.v.) thông qua giao diện của chương trình.

Die Kassensoftware wird von uns Entwicklern selbst aufgesetzt und entweder vom Kassensupport oder durch den Dritten selbst eingerichtet. Abhängig von den installierten Modulen und Versionen wie die entsprechende Funktionalität zur Verfügung gestellt so z. B. Auftragsbearbeitung, Preisaktionen o. Ä. Durch individuelle Einstellungen ist es möglich die Funktionalität der Kasse bei bestimmten Gewerben zu erweitern oder einzuschränken z. B. Kiosk, Kosmetikstudios etc. benötigen keine Tischfunktionen.

Các phần mềm máy tính tiền được chúng tôi phát triển và được thiết lập bởi nhân viên kỹ thuật hoặc một bên thứ ba. Tùy thuộc vào các mô-đun và phiên bản được cài đặt mà có các chức năng tương ứng được cung cấp như xử lý đơn hàng, khuyến mãi giá v.v.. Thông qua các cài đặt riêng lẻ, có thể mở rộng hoặc hạn chế chức năng của máy tính tiền trong một số giao dịch nhất định như Ki-ốt, Nails mà không cần chức năng bàn.

Es ist zu unterscheiden zwischen Einstellungen, die den Arbeitsablauf steuern und denen, die das Design der Kasse bestimmen. Dazu gehören z. B. auch die Medienrechte, die in der Rechteverwaltung entsprechend eingeschränkt werden können. Beispielhaft wären hier folgende Rechte:

- Zugriff auf Systemeinstellungen
- Zugriff und Änderung der Stammdaten (Personal, Artikel, Tischpläne, u.Ä)
- Zugriff auf Mitarbeiter- und Storno Berichte
- Stornos und Sofort Stornos, sowie Retoure.

Eine komplette Benutzung der Systemrechte wurde fachgerecht und ausführlich dem Dritten geschult. Die Kasse protokolliert alle Änderungen an steuerrelevanten Stammdaten.

Cần phân biệt giữa việc cài đặt chương trình, kiểm soát quy trình công việc và những cài đặt liên quan việc thiết kế của máy tính tiền. Chúng bao gồm như các quyền điều hành có thể bị hạn chế trong quản lý quyền tương ứng. Ví dụ về điều này sẽ là các quyền sau:

- Truy cập vào cài đặt hệ thống
- Truy cập và sửa đổi dữ liệu chủ (nhân sự, bài viết, bảng kế hoạch, v.v.)
- Truy cập vào báo cáo của nhân viên và hủy bỏ
- Hủy bỏ và hủy ngay lập tức, cũng như trả về

Việc sử dụng đầy đủ các quyền hệ thống đã được chúng tôi hướng dẫn sử dụng thành thạo cho bên thứ ba. Máy tính tiền ghi lại tất cả các thay đổi đối với dữ liệu chính liên quan đến thuế.

4. Arbeitsweise

Das Android-Kassensystem arbeitet weitestgehend autark und speichert die eigenen Transaktions- und Berichtsdaten aus Sicherheitsgründen vorerst im internen Datenspeicher ab. Diese Daten werden bei aktiver Internetverbindung parallel in den Cloud-Speicher übertragen.

Hiện tại, hệ thống máy tính tiền của XKASSE hoạt động tự động và lưu trữ dữ liệu giao dịch và báo cáo của nó trong bộ nhớ dữ liệu nội bộ vì lý do an toàn. Những dữ liệu này được truyền song song với kết nối Internet đang hoạt động trong bộ nhớ Cloud.

Die in der Cloud gespeicherten Daten können über das Dashboard angesehen und analysiert werden. Einen Trainingsmodus bietet Tillhub nicht an.

Dữ liệu được lưu trữ trong Cloud có thể được xem và phân tích thông qua bảng điều khiển. XKASSE không cung cấp chế độ đào tạo Trainingsmodus.

5. Datenstruktur

Das XKASSE Kassensystem verfügt über eine Vielzahl an Berichten. Sämtliche Berichte können ausgedruckt oder exportiert werden. Im Elektronischen Journal werden alle am Kassensystem durchgeführten umsatz relevanten Aktionen protokolliert. Die Programmierdaten werden in diesem Kassen-Journal jedoch nicht gespeichert. Diese werden vom Dashboard gesondert in ein separates Bewegungs-Journal gespeichert. Dieses wird unabhängig vom normalen Kassen-Journal geführt. Die beiden Journale laufen parallel und beeinflussen sich nicht gegenseitig.

Hệ thống máy tính tiền của XKASSE có nhiều báo cáo khác nhau. Tất cả các báo cáo có thể được in ra hoặc trích xuất. Trong nhật ký điện tử, tất cả các hành động liên quan đến bán hàng được thực hiện tại hệ thống POS đều được ghi lại. Dữ liệu lập trình không được lưu trong nhật ký tiền mặt này. Dữ liệu lập trình được lưu trữ riêng biệt bởi bảng điều khiển trong một nhật ký hoạt động riêng. Điều này được thực hiện độc lập với các nhật ký tiền mặt bình thường. Hai nhật ký này chạy song song và không ảnh hưởng lẫn nhau.

6. Speicherung der Daten

Im Kassen-Journal werden alle steuerlich relevanten Detailinformationen aufgezeichnet, die zum vollständigen Nachvollziehen der jeweiligen Geschäftsvorfälle zu einem späteren Zeitpunkt benötigt werden. Der Umfang der aufgezeichneten Informationen kann vom Endanwender nicht beeinflusst werden. Der Endanwender erhält keinerlei Zugriff auf den Datenspeicher. Es gibt keine Funktionen, um Änderungen an den aufgezeichneten Daten zu ermöglichen.

Nhật ký tiền mặt ghi lại tất cả các thông tin chi tiết liên quan đến thuế cần thiết để cung cấp đầy đủ các giao dịch kinh doanh tương ứng một ngày trước đó. Lượng thông tin được ghi lại không thể bị ảnh hưởng bởi người dùng cuối. Người dùng cuối không có quyền truy cập vào kho lưu trữ dữ liệu. Không có chức năng cho phép thay đổi dữ liệu được ghi.

Folgende Daten werden im Kassenjournal gespeichert:

- Transaktionsdaten
- Berichtsdaten (Z-Abschlüsse)

Folgende Daten werden im Bewegungs-Journal gespeichert:

- Programmierdaten

– Stammdatenänderungen

Các dữ liệu sau đã được lưu trữ trong báo cáo tiền mặt:

– *Dữ liệu giao dịch*

– *Báo cáo dữ liệu (báo cáo z)*

Các dữ liệu sau đã được lưu trữ trong báo cáo thay đổi:

– *Lập trình dữ liệu*

– *Thay đổi dữ liệu tổng thể*

7. Tagesabschluss

Der Z-Bericht enthält folgende Informationen: Firmenname und Anschrift

Zeitpunkt der Erstellung

Z-Zähler

Gesamtumsatz

Umsatz nach Zahlart

Steuern

Stornos

Rabatte

Báo cáo Z chứa thông tin sau: Tên và địa chỉ công ty

Thời điểm được tạo lập

Số thứ tự Z

Tổng doanh thu

Thu nhập bán hàng theo phương thức thanh toán

Thuế

Xóa

Giảm giá

8. Sicherheitsmerkmale

Dadurch, dass wir die Daten kontinuierlich mit unserem Server synchronisieren und dort nicht gelöscht oder geändert werden können, können wir eine Lückenlosigkeit der Daten gewährleisten. Selbst wenn die Daten lokal auf Android gelöscht werden, kann dies durch Konsistenzprüfungen auf unserem Server

überprüft und protokolliert werden. Sobald die Daten einmal auf unserem Server gespeichert sind, kommt der Kunde nicht mehr an diese heran.

Trên thực tế, chúng tôi có thể liên tục đồng bộ hóa dữ liệu với máy chủ của mình và không thể xóa hoặc thay đổi ở đó, chúng tôi có thể đảm bảo dữ liệu không bị ngắt quãng. Ngay cả khi dữ liệu bị xóa cục bộ trên Android, điều này có thể được xác nhận qua sự kiểm tra tính nhất quán trên máy chủ và dữ liệu protokol của chúng tôi. Khi dữ liệu đã được lưu trữ trên máy chủ của chúng tôi, khách hàng sẽ không thể truy cập được nữa.

Alle Berichte, Exporte und Auswertungen werden auf unserem Server erzeugt und sind somit gänzlich vor Manipulation geschützt.

Tất cả các báo cáo, trích xuất dữ liệu và đánh giá được tạo trên máy chủ của chúng tôi và do đó hoàn toàn được bảo vệ chống lại việc thao túng.

Aufgrund der zuvor beschriebenen technischen und logischen Gegebenheiten der Kassensoftware entsprechen wir dem Kriterium der Ordnung (Punkt 3.7.) aus dem Fachgutachten des Fachsenats für Datenverarbeitung der Kammer der Wirtschaftstreuhänder zur Ordnungsmäßigkeit von IT-Buchführungen (KFS- DV1), das folgendes besagt: „Die IT-Buchführung muss sicherstellen, dass Buchungen sowohl in zeitlicher (Journalfunktion) als auch in sachlicher Ordnung (Kontenfunktion) dargestellt werden können. "Die logische Speicherung der Buchungssätze in der IT-Buchführung muss nicht nach einem bestimmten Ordnungskriterium erfolgen, sofern die IT-Buchführung Sortierfunktionen zur Verfügung stellt, mit deren Hilfe die erforderliche Ordnung jederzeit hergestellt werden kann.“

Do các điều kiện kỹ thuật và logic của phần mềm máy tính tiền được mô tả ở trên, chúng tôi tuân thủ tiêu chí đặt hàng (mục 3.7.) từ Báo cáo chuyên môn của Phòng kế toán công về bảo trì đúng hướng dẫn sổ sách CNTT (KFS-DV1), trong đó nêu rõ: " Kế toán CNTT phải đảm bảo rằng việc đặt hàng có thể được trình bày cả về thời gian (chức năng nhật ký) và theo thứ tự thực tế (chức năng nhật ký). Việc lưu trữ hợp lý các hồ sơ kế toán trong sổ sách kế toán CNTT không phải được thực hiện theo một tiêu chí đơn hàng nhất định, miễn là kế toán CNTT cung cấp các chức năng sắp xếp mà theo đó yêu cầu có thể được thiết lập bất cứ lúc nào. "

In weiterer Folge wird der neuen Kassenrichtlinie lt. Punkt 5.1.2 entsprochen und damit das Kriterium der Ordnungsmäßigkeit gemäß §§ 131, 132 BAO erfüllt. Die XKASSE UG entwickelt und vertreibt Kassensysteme des Typs 3.

Sau đó, yêu cầu quản lý tiền mặt mới được tuân thủ theo điểm 5.1.2, do đó đáp ứng tiêu chí về tính liên tục theo các mục 131, 132 BAO. Công ty XKASSE UG phát triển và bán hệ thống máy tính tiền Loại 3.

9. Datenexport nach GoBD – IDEA

Der Datenexport (GoBD) enthält folgende Dateien:

- Article.csv
- GoBD/GDPdU-Journal mit allen chronologisch dokumentierten Vorgängen index.xml

- gdpdu-dd-mm-yyyy.dtd (XML Definition für index.xml)
- Protokoll.csv
- Rechnungen.csv
- Rechnungsdetail.csv

Dieser Export kann jederzeit für einen individuellen Zeitraum bereitgestellt werden. Das Datenexport Modul besitzt eine Funktion zur Datenträgerüberlassung nach GdPDU / GoBD. Dabei kann ein frei definierbarer Zeitraum für den Export eingestellt werden. Nach erfolgreichem Export stehen die o. g. Daten in einem separaten Ordner zur Verfügung. Der Inhalt sollte auf einen beschreibbaren USB Stick gesichert werden.

Xuất dữ liệu (GoBD) chứa các tệp sau:

- Article.csv
- Báo cáo GoBD / GDPdU với tất cả các hoạt động được ghi lại theo thứ tự thời gian trong index.xml
- gdpdu-dd-mm-yyyy.dtd (XML đã được định nghĩa cho tệp index.xml)
- Protokoll.csv
- Rechnungen.csv
- Rechnungsdetail.csv

Trích xuất dữ liệu này có thể được cung cấp bất cứ lúc nào trong một giai đoạn nhất định của người dùng. Mô-đun trích xuất dữ liệu có chức năng truyền dữ liệu GdPDU / GoBD. Bạn có thể đặt thời gian xác định tự do cho việc trích xuất dữ liệu. Sau khi xuất dữ liệu thành công thì dữ liệu có sẵn trong một thư mục riêng. Các nội dung có thể được lưu trên một thẻ nhớ USB có thể lưu được.

Article.csv

| Feldname | Typ | Beschreibungen |
|-----------------|----------|--|
| id | Integer | Identifikator für Lebensmittel/Getränke <i>Mã định danh của món ăn/đồ uống</i> |
| name | varchar | Name des Essens/Getränks <i>Tên món ăn/đồ uống</i> |
| Steuer | Integer | Steuerart 19% <i>Loại thuế 19%</i> |
| SteuerMitnehmer | Integer | Steuerart 7% <i>Loại thuế 7 %</i> |
| Preis | Float | Einheitspreis für Speisen/Getränke <i>Đơn giá món ăn/đồ uống</i> |
| Angelegt | Datetime | Erstellungsdatum des Essens/Getränks <i>Ngày tạo món ăn/đồ uống</i> |
| Geändert | Datetime | Änderungsdatum der Speisen/Getränke |

| | | |
|--|--|-------------------------------|
| | | Ngày chỉnh sửa món ăn/đồ uống |
|--|--|-------------------------------|

Protokoll.csv

| Feldname | Typ | Beschreibungen |
|-------------|---------|---|
| Nr | Integer | Betriebsverlaufscodes des Verkaufsautomaten 1: Schalten Sie die Maschine ein oder aus 2: Erstellen Sie eine neue Bestellung 3: Bestellung stornieren 4: XBon drucken (Druckauftragsbericht vom Tagesbeginn bis zum Zeitpunkt des Drucks) 5: ZBon drucken (Drucken Sie einen Bericht aller Bestellungen für den Tag) 6: MBon drucken (Druckbericht aller Bestellungen für den Monat) <i>Mã số lịch sử hoạt động của máy bán hàng</i> 1: Tắt hoặc mở máy 2: Tạo mới đơn hàng 3: Hủy đơn hàng 4: In XBon (in báo cáo đơn hàng từ đầu ngày đến thời điểm in) 5: In ZBon (in báo cáo tất cả đơn hàng trong ngày) 6: In MBon (in báo cáo tất cả đơn hàng trong tháng) |
| Datum | Date | Verwendungsdatum <i>Ngày tháng năm sử dụng</i> |
| Zeit | Time | Benötigte Zeit <i>Thời gian sử dụng</i> |
| Bezeichnung | Varchar | Beschreibung des Aktivitätsinhalts <i>Mô tả nội dung hoạt động</i> |

Rechnungen.csv

| Feldname | Typ | Beschreibungen |
|------------|---------|---|
| RechnungNr | Integer | Auftragskennung <i>Mã định danh của đơn hàng</i> |
| BuchungNr | Integer | Bestellnummer <i>Mã đơn đơn hàng</i> |
| Datum | Date | Datum der Bestellung <i>Ngày tháng năm của đơn hàng</i> |
| Zeit | Time | Zeitpunkt der Bestellung <i>Thời gian của đơn hàng</i> |

| | | |
|--------------|---------|---|
| KasseNr | Integer | Number of cash registers <i>Số lượng máy tính tiền</i> |
| BonTyp | Varchar | Der Bon-Typ wird gedruckt. <i>Loại Bon được in ra.</i> |
| Bediener | Varchar | Name des Kassierers <i>Tên nhân viên thu ngân</i> |
| Bruttosumme | Double | Gesamtbetrag vor Rabatt <i>Tổng tiền trước khi giảm giá</i> |
| Rabatt | Double | Totaler Rabatt <i>Tổng tiền giảm giá</i> |
| UMS0 | Float | Gesamtbetrag nicht steuerpflichtig 0% <i>Tổng tiền không phải chịu thuế 0%</i> |
| MwSt0 | Float | Zu versteuernder Betrag 0% <i>Số tiền phải nộp thuế 0%</i> |
| UMS7 | Float | Gesamtbetrag unterliegt 7% Steuer <i>Tổng tiền phải chịu thuế 7%</i> |
| MwSt7 | Float | Zu versteuernder Betrag 7% <i>Số tiền phải nộp thuế 7%</i> |
| UMS19 | Float | Gesamtbetrag unterliegt 19% Steuer <i>Tổng tiền phải chịu thuế 19%</i> |
| MwSt19 | Float | Zu versteuernder Betrag 19% <i>Số tiền phải nộp thuế 19%</i> |
| UMS5 | Float | Gesamtbetrag unterliegt 5% Steuer <i>Tổng tiền phải chịu thuế 5%</i> |
| MwSt5 | Float | Zu versteuernder Betrag 5% <i>Số tiền phải nộp thuế 5%</i> |
| UMS16 | Float | Zu versteuernder Betrag 16% <i>Số tiền phải nộp thuế 16%</i> |
| MwSt16 | Float | Zu versteuernder Betrag 16% <i>Số tiền phải nộp thuế 16%</i> |
| Kassenumsatz | Double | Gesamtbetrag, der tatsächlich für die Bestellung eingezogen wurde <i>Tổng tiền thực thu trên đơn hàng</i> |
| Zahlart | | Zahlungsmethode bestellen <i>Phương thức thanh toán đơn hàng</i> |

| | | |
|-----------------|----------------|--|
| Hash | Varchar | Der Hash der Bestellung <i>Mã băm của đơn hàng</i> |
| TSE-Transaktion | Integer | Transaktionsnummer der Bestellung in TSE <i>Số giao dịch đặt hàng trong TSE</i> |
| TSE-Start | Varchar | Die Bestellzeit beginnt in TSE <i>Thời gian đơn hàng bắt đầu trong TSE</i> |
| TSE-Stop | Varchar | Bestellen Sie die Zahlungszeit in TSE <i>Thời gian thanh toán đơn hàng trong TSE</i> |
| TSE-Signatur | Varchar | Unterschrift der Bestellung in TSE <i>Chữ ký của đơn hàng trong TSE</i> |

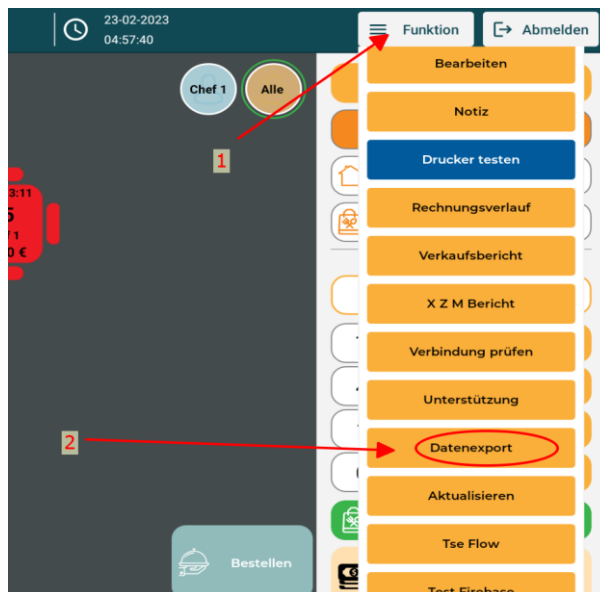
Rechungsdetail.csv

| Feldname | Typ | Beschreibungen |
|-----------------|------------|--|
| RechnungNr | Integer | Auftragskennung <i>Mã định danh của đơn hàng</i> |
| BuchungNr | Integer | Bestellnummer <i>Mã đơn đơn hàng</i> |
| Datum | Date | Datum der Bestellung <i>Ngày tháng năm của đơn hàng</i> |
| Zeit | Time | Zeitpunkt der Bestellung <i>Thời gian của đơn hàng</i> |
| BonTyp | Varchar | Der Bon-Typ wird gedruckt. <i>Loại Bon được in ra.</i> |
| Bediener | Varchar | Name des Kassierers <i>Tên nhân viên thu ngân</i> |
| ArtikelName | Varchar | Name des Essens/Getränks <i>Tên món ăn/đồ uống</i> |
| Artikelld | Integer | Identifikator für Lebensmittel/Getränke <i>Mã định danh của món ăn/đồ uống</i> |
| ArtikelPreis | Float | Einheitspreis für Speisen/Getränke <i>Đơn giá món ăn/đồ uống</i> |
| Menge | Float | Anzahl der Speisen/Getränke |

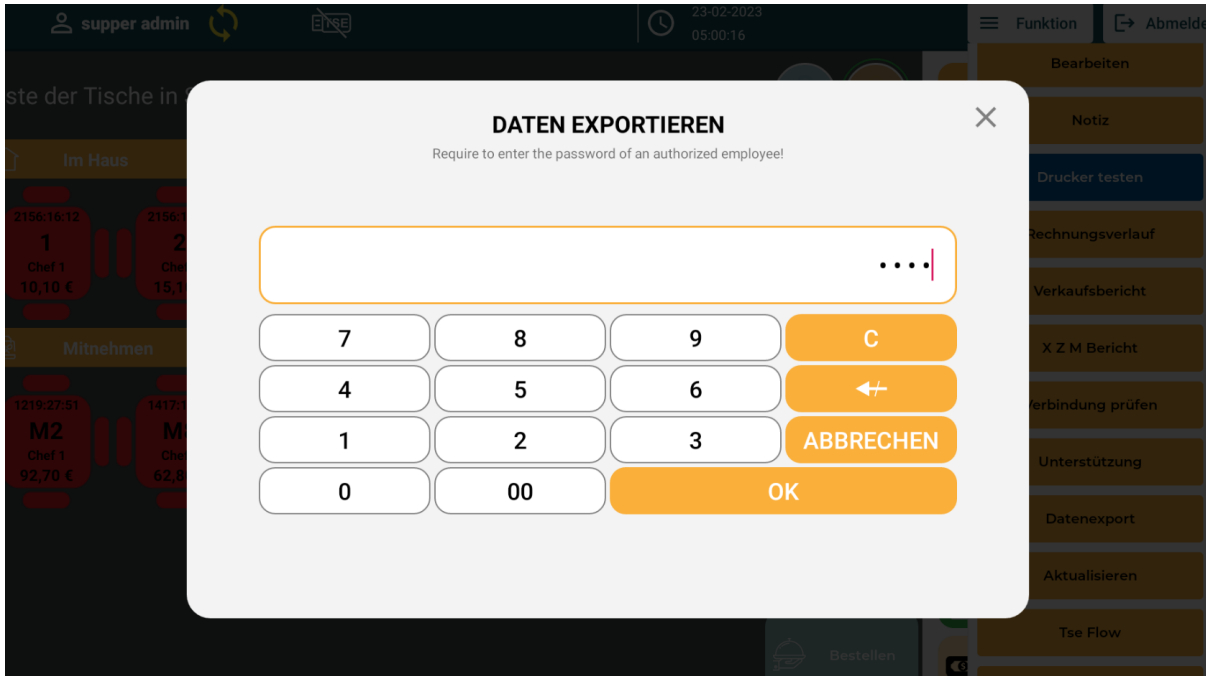
| | | |
|---------------|---------|---|
| | | <i>Số lượng món</i> |
| Mengeneinheit | Varchar | Metrische Einheit für Speisen/Getränke <i>Đơn vị đo lường của món ăn/đồ uống</i> |
| Gruppe | Varchar | Der Name der Lebensmittel-/Getränkesteuer auf der Rechnung <i>Tên loại thuế của món ăn/thức uống trên hóa đơn</i> |
| Preis | Float | Tatsächlicher Stückpreis des Artikels auf der Rechnung <i>Đơn giá thực thu của món trên hóa đơn</i> |
| MwSt | Integer | % Steuer auf Speisen/Getränke auf Rechnung <i>% thuế phải nộp của món ăn/thức uống trên hóa đơn</i> |

10. Leitfaden zur GoBD-Datenextraktion

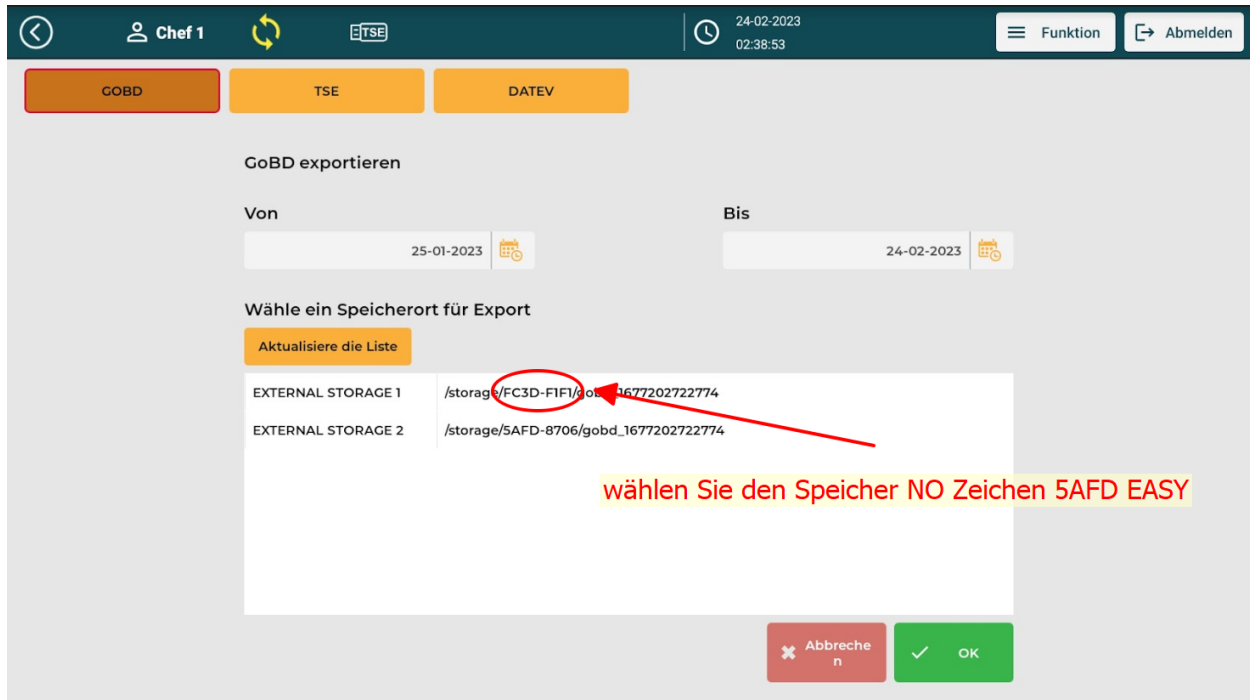
step 1: Funktion → Datenexport



Schritt 2: Bestätigen Sie mit dem Master-Passwort



Schritt 3: Wählen Sie den zu extrahierenden Zeitraum aus, wählen Sie das Speicherelement unten aus und klicken Sie dann auf OK, um mit dem Exportieren der Daten auf USB fortzufahren



Hinweis: USB TSE hat das Zeichen 5AFD (nicht ausgewählt)

11. Abschließende Bemerkungen

Die XKASSE Kassensystem UG behält sich vor, diese Verfahrensdokumentation jederzeit zu ergänzen und oder zu erweitern. Dieser Vorbehalt ist zwingend erforderlich, da das Kassensystem einer ständigen Weiterentwicklung unterliegt. Diese werden in der Regel als Service Packs oder Updates zur Verfügung gestellt. Wir empfehlen unseren Kunden, sich vor einer Prüfung durch die Finanzbehörde, die jeweils aktuelle Verfahrensdokumentation auszudrücken und dem Prüfer zur Verfügung zu stellen.

Công ty máy tính tiền XKASSE UG có quyền bổ sung và gia hạn tài liệu quy trình này bất cứ lúc nào. Việc thực hiện này là bắt buộc vì hệ thống POS được phát triển liên tục. Chúng thường được cung cấp dưới dạng gói dịch vụ hoặc cập nhật. Chúng tôi khuyên khách hàng của chúng tôi in ra các tài liệu quy trình cập nhật nhất và nộp cho kiểm toán viên trước khi kiểm toán của cơ quan thuế.